PART 3: GRAMMAR

I. Modals: "should, shouldn't; can, can't"

1. Should & shouldn't:

"should" (nên) và "shouldn't" (không nên) dùng để đưa ra lời khuyên

Should là động từ khuyết thiếu, do đó nó không cần chia theo các ngôi và luôn cần một động từ nguyên thể không **"to"** đi đằng sau.

Thể	Thể khẳng định / Thể phủ định	Thể nghi vấn
Chức năng	Dùng để diễn tả lời khuyên, hay ý nghĩ điều gì là đúng, nên làm hoặc không nên làm.	Dùng để hỏi ý kiến hay yêu cầu một lời khuyên.
Cấu trúc	**S + should/ shouldn't + V + (các thành phần khác).**	**Should + S + V + (các thành phần khác)?** Yes, S + should. No, S + shouldn't.
Ví dụ	We should brush our teeth twice a day. (Chúng ta nên đánh răng hai lần một ngày.) We shouldn't waste water. (Chúng ta không nên lãng phí nước.)	Should we buy a new car? (Chúng ta có nên mua một chiếc ô tô mới không?) Yes, we should. (Có, chúng ta nên mua.)

2. Can & can't:

"can" (Có thể) và "can't" (Không thể) là động từ khuyết thiếu, do đó nó không cần chia theo các ngôi và luôn cần một động từ nguyên thể không **"to"** đi đằng sau.

Thể	Thể khẳng định/ Phủ định	Thể nghi vấn
Cấu trúc	**S + can/ can't + V + (các thành phần khác).**	**Can + S + V + (các thành phần khác)?** **Yes, S + can.** **No, S + can't.**
Chức năng	Diễn tả khả năng của một người có thể/ không thể làm được gì hoặc một sự việc có thể/ không thể xảy ra ở hiện tại.	Dùng trong câu hỏi đề nghị, xin phép, yêu cầu.
Ví dụ:	- She can speak Spanish. (Cô ấy có thể nói tiếng Tây Ban Nha.) - It can rain. (Trời có thể mưa.)	- Can I ask you a question? (Tôi có thể hỏi bạn 1 câu không?) - Can you swim? (Bạn có thể bơi không?)

II. Conjunction: "so"

LIVEWORKSHEETS

Liên từ/ Từ nối là từ dùng để kết hợp các từ, cụm từ, mệnh đề hay câu với nhau. Trong đó:

	Liên từ đẳng lập	Liên từ phụ thuộc
Chức năng	Dùng để nối các từ, cụm từ cùng một loại, hoặc các mệnh đề ngang hàng nhau (tính từ với tính từ, danh từ với danh từ...)	Dùng để nối các nhóm từ, cụm từ hoặc mệnh đề có chức năng khác nhau - mệnh đề phụ với mệnh đề chính trong câu.
Vị trí	- Luôn luôn đứng giữa 2 từ hoặc 2 mệnh đề mà nó liên kết. - Nếu nối các mệnh đề độc lập thì luôn có dấu phẩy đứng trước liên từ.	- Thường đứng đầu mệnh đề phụ thuộc. - Mệnh đề phụ thuộc có thể đứng trước hoặc đứng sau mệnh đề chính nhưng phải luôn được bắt đầu bằng liên từ phụ thuộc.
Các liên từ	Chỉ sự thêm vào: **and (và)**...	Diễn tả nguyên nhân, lý do: **because (bởi vì)**...
	Chỉ sự tương phản, đối lập: **but (nhưng)**...	Chỉ hai hành động trái ngược nhau về mặt logic: **although (mặc dù)**
	Chỉ kết quả: so (vì vậy, cho nên)...	
	Chỉ sự lựa chọn: **or (hoặc)**...	
Ví dụ	- I'll come and see you soon. (Tôi sẽ đến và gặp bạn sớm.) - His mother won't be there, but his father might. (Mẹ anh ấy sẽ không ở đó nhưng bố anh ấy thì có thể.) - It is raining, ***so*** I can't go camping. (Trời đang mưa nên tôi không thể đi cắm trại được.) - I had a cold ***so*** I didn't go to school. - We are going kayaking ***so*** you need to bring a towel. - We need to bring a tent ***so*** we can sleep. - We need to bring bottled water ***so*** we don't get thirsty. - We should bring a flashlight ***so*** we can see at night.	- Last night we came late because it rained heavily. (Tối qua chúng tôi đến trễ vì trời mưa to.) Although the car is old, it is still reliable. (Mặc dù chiếc ô tô đã cũ, nhưng nó vẫn đáng tin cậy.)

Task 1. Use "should/shouldn't" to fill in the blanks to complete the sentences.

1. Tom _____ eat so many lollipops. It's bad for his teeth.
2. He's fifteen. He _____ drive a car.
3. Pregnant women _____ smoke as it can damage the baby.
4. We _____ go somewhere exciting for our holiday.
5. People _____ drive fast in the town centre.
6. You _____ ask the teacher for help you if you don't understand the lesson.

LIVEWORKSHEETS

7. _____ I buy the dress or the skirt?
8. She _____ tell lies.
9. That's a fantastic book. You _____ read it.
10. The doctor said: "You _____ eat healthy food. You _____ eat fast food. You _____ watch so much TV. You _____ walk 1 hour a day. You _____ drink fruit juice and water. You _____ drink wine or beer.
11. You _____ be so selfish.
12. I don't think you _____smoke so much.
13. You _____ exercise more.
14. I think you _____ try to speak to her.
15. You are overweight. You _____ go on a diet.
16. Where _____ we park our car?
17. You _____ never speak to your mother like this.
18. The kids _____ spend so much time in front of the TV.
19. _____ I tell her the truth or should I say nothing?
20. I think we _____ reserve our holiday in advance.

Task 2. Use "can/can't" to fill in the blanks to complete the sentences.

1. I (**can/ can't**) speak French. I picked it up while I was in France.
2. I (**can/ can't**) come to the party. I am really busy.
3. We (**can/ can't**) hear you. The music is so loud.
4. Where are my keys? I (**can/ can't**) find them.
5. I (**can/ can't**) believe it. We won two million dollars.
6. We (**can/ can't**) meet tomorrow if you want.
7. (**Can/ Can't**) you make me a cup of tea, please?
8. He (**can/ can't**) jump. His leg hurts so much.
9. Illiterate people (**can/ can't**) read and write.
10. Fish (**can/ can't**) swim.
11. (**Can/can't**) you swim? - Yes, I (**can/can't**)
12. I'm sorry I (**can/can't**) help you today, I'm really busy.
13. Please (**can/can't**) you buy some milk on your way home? - I (**can/can't**) leave the house because I'm looking after the baby.
14. I (**can/can't**) ride a bike but I (**can/can't**) drive a car.
15. I just (**can/can't**) manage to wake up on time, I'm always late.
16. Hello, (**can/can't**) I help you? - Actually, no you (**can/can't**). This restaurant is awful and we've been waiting here for half an hour. We're leaving.
17. I have a special talent, I (**can/can't**) touch my nose with my tongue (**can/can't**) you?
18. (**Can/Can't**) I go to the bathroom please?- Yes, of course you (**can/can't**).
19. Look! It's right there! (**Can/Can't**) you see it? It's so obvious!
20. I've never been able to eat breakfast in the mornings. I (**can/can't**) talk to anyone either!

Task 3. Choose A, B, C or D to complete the sentences.

1. I like English _____ I like French very much.
A. and **B.** but **C.** or **D.** so

LIVEWORKSHEETS

2. My brother likes Maths _____ he doesn't like history.
A. and **B.** but **C.** or **D.** so
3. The children forgot their homework,_____ the teacher was angry with them.
A. and **B.** but **C.** or **D.** so
4. Can you read _____ write English words?
A. and **B.** but **C.** or **D.** so
5. Are the questions right _____ wrong?
A. and **B.** but **C.** or **D.** so
6. It's great _____ it's fun.
A. and **B.** but **C.** or **D.** so
7. Would you like tea _____ hot chocolate for your breakfast?
A. and **B.** but **C.** or **D.** so
8. Our car is old, _____ it drives beautifully.
A. and **B.** but **C.** or **D.** so
9. It was very warm, _____ we all went swimming.
A. and **B.** but **C.** or **D.** so
10. Do we have French _____ Music after the break?
A. and **B.** but **C.** or **D.** so
11. I like sugar in my tea, _____ I don't like milk in it.
A. and **B.** but **C.** or **D.** so
12. We were very tired _____ happy after our flight to Sydney.
A. and **B.** but **C.** or **D.** so
13. Jane was cold, _____ he put on a coat.
A. and **B.** but **C.** or **D.** so
14. Julie has a guitar, _____ she plays it really well.
A. and **B.** but **C.** or **D.** so
15. Maria tried to read a novel in French, _____it was too difficult.
A. and **B.** but **C.** or **D.** so
16. He lives in London, _____ he studies at a college.
A. and **B.** but **C.** or **D.** so
17. You can go to the tourist office _____ ask them for any information you need.
A. and **B.** but **C.** or **D.** so
18. Does Miss Smith like the red boots _____ the black and white sandals?
A. and **B.** but **C.** or **D.** so
19. Lynda likes Tom _____ he is in love with Annette.
A. and **B.** but **C.** or **D.** so
20. Geraldine Chaplin is a great actress _____ she is less well-known than her father Charlie Chaplin.
A. and **B.** but **C.** or **D.** so

LIVEWORKSHEETS